

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TỔNG CỤC THỂ DỤC THỂ THAO
HỘI ĐỒNG THI TUYỂN VIÊN CHỨC
NĂM 2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1548 /TCTDTT-HĐTTVC

Hà Nội, ngày 07 tháng 11 năm 2019

V/v thông báo lịch thi tuyển viên chức
năm 2019

Kính gửi:

- Bệnh viện Thể thao Việt Nam;
- Trung tâm Thông tin Thể dục thể thao;
- Trung tâm Thể thao Ba Đình

Căn cứ Quyết định số 1546/QĐ-TCTDTT ngày 19/9/2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thể dục thể thao về việc phê duyệt Kế hoạch tổ chức thi tuyển viên chức năm 2019 của Bệnh viện Thể thao Việt Nam, Trung tâm Thông tin Thể dục thể thao, Trung tâm Thể thao Ba Đình và Quyết định số 1637/QĐ-TCTDTT ngày 04/10/2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thể dục thể thao về việc thành lập Hội đồng thi tuyển viên chức năm 2019 của Bệnh viện Thể thao Việt Nam, Trung tâm Thông tin Thể dục thể thao, Trung tâm Thể thao Ba Đình, Hội đồng thi tuyển viên chức thông báo đến các đơn vị, thời gian, địa điểm tổ chức thi tuyển viên chức như sau:

1. Danh mục tài liệu ôn thi (Phụ lục 1)
2. Danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi (Phụ lục 2)
3. Thời gian, địa điểm tổ chức thi vòng 1 kỳ thi tuyển viên chức năm 2019
 - 3.1. Thời gian: ngày 22/11/2019 (Thứ sáu)
 - Từ 7h15 – 7h45p: Khai mạc kỳ thi.
 - Từ 7h45 – 8h00: Phổ biến nội quy, quy chế.
 - Từ 8h30 – 9h30: Thi trắc nghiệm môn Kiến thức chung (Thời gian: 60 phút).
 - Từ 10h00 – 10h30: Thi trắc nghiệm môn Ngoại ngữ (Thời gian: 30 phút)
 - Từ 11h – 11h30: Thi trắc nghiệm Tin học (Thời gian: 30 phút).
 - 3.2. Địa điểm: Trường cán bộ quản lý Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 128A Hồ Tùng Mậu, Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội.
4. Quy định đối với thí sinh tham dự kỳ thi:
 - 4.1. Nộp lệ phí thi tuyển viên chức (500.000đ/thí sinh) tại Phòng 501, Vụ Tổ chức cán bộ, Tổng cục Thể dục thể thao, 36 Trần Phú, Ba Đình (điện thoại

liên hệ: Đ/c Giáp Minh Tâm: 0904156968 hoặc 024.37330020). Thời gian nộp lệ phí hoàn thành trước ngày 14/11/2019, sau thời gian trên nếu thí sinh không hoàn thành việc nộp lệ phí thi tuyển viên chức được thống nhất là thí sinh không tham dự kỳ thi tuyển viên chức.

4.2. Phải có mặt trước phòng thi đúng giờ quy định. Trang phục gọn gàng, văn minh, lịch sự.

4.3. Xuất trình giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ tùy thân hợp pháp khác (có dán ảnh) để giám thị phòng thi đối chiếu khi gọi vào phòng thi.

5. Đề nghị các đơn vị có thí sinh tham dự thi tuyển viên chức triển khai các công việc sau:

5.1. Thông báo danh sách thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn đến các thí sinh đã nộp phiếu đăng ký dự thi.

5.2. Thông báo danh mục tài liệu, lịch thi đến từng thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi vào đơn vị mình đúng thời gian, địa điểm quy định.

Hội đồng thi tuyển viên chức năm 2019 thông báo để đơn vị được biết và triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng cục trưởng (để báo cáo);
- Hội đồng thi tuyển VC 2019;
- Ban Giám sát kỳ thi;
- Lưu: VT, TCCB, MT. 12.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



**Phó Tổng cục trưởng
Nguyễn Hồng Minh**

**DANH MỤC
TÀI LIỆU ÔN TẬP THI TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2019**

I. Môn Kiến thức chung

1. Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 01/12/2011 của Ban Chấp hành Trung ương về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục thể thao đến năm 2020;
2. Quyết định số 2198/QĐ-TTg ngày 03/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chiến lược phát triển thể dục, thể thao đến năm 2020”;
3. Quyết định số 2160/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Quy hoạch phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”;
4. Văn bản hợp nhất số 09/VBHN-VPQH ngày 29/6/2018 của Văn phòng Quốc hội về Luật Thể dục thể thao;
5. Luật Viên chức năm 2010;
6. Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao;
7. Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục thể thao;
8. Văn bản hợp nhất số 03/HĐHN/-BNV ngày 21/5/2019 của Bộ Nội vụ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức
9. Nghị định số 27/2012/NĐ-CP ngày 06/4/2012 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức;
10. Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ quy định về thực hiện dân chủ trong hoạt động cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;
11. Luật số 44/2013/QH13 ngày 26/11/2013 về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;
12. Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;
13. Luật số 36/2018/QH11 ngày 20/11/2018 về phòng, chống tham nhũng;
14. Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp về Luật phòng, chống tham nhũng;

15. Quyết định số 21/2018/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thể dục thể thao thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
16. Quyết định số 2148/QĐ-BVHTTDL ngày 20/6/2019 của Bộ VHTTDL về quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
17. Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị thí sinh đăng ký dự thi.

II. Môn Ngoại ngữ: Tiếng Anh

Đối với trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam

1. Pronouns:

- Personal (*subject, object*)
- Reflexive and emphatic: *myself, etc.*
- Impersonal: *it, there*
- Demonstrative: *this, that, these, those*
- Indefinite: *something, everybody, some, any, etc.*

2. Nouns:

- Singular and Plural (regular & irregular forms)
- Countable & uncountable nouns
- Compound nouns
- Quantifiers with *some/ any, many/ much, a little/ little/ few/ a few*
- Possessive cases with 's & s'
- Articles: *a/ an/ the*

3. Verbs:

3.1. Tenses

- + Present simple
- + Present continuous
- + Present perfect
- + Past simple
- + Past continuous
- + Past perfect
- + Future with *going to*
- + future with *will*

3.2. Imperatives:

3.3. Questions: Yes/ No questions & Wh- questions

3.4. Passive voice (affirmative passive of: *present simple, past simple, future simple* only)

3.5. Conditional sentences: Type 1, 2, 3.

3.6. Relative clauses: defining *which/ who/ whom/ where* in relative clauses

3.7. Reported speech: Statements, questions: *say, ask, tell* (*direct speech of simple tenses only*)

3.8. Modal verbs:

- Can (*ability, request*)
- Could (*ability, possibility, polite request*)
- Would (*polite request*), will (*offer, promise, decision*)
- Shall (*suggestion, offer*)
- Should, shouldn't (*advice*)
- Have to, must (*obligation*), mustn't (*prohibition*)

3.9. Verb patterns:

- gerunds after *verbs & prepositions* (common only)
- verbs (*with & without to*) after verbs and adjectives (common only)

4. Connectors:

- *and, but, although*
- *when, while, until, before, after, as soon as*
- *because, since, if*

5. Adjectives:

- Colors, size, shape, quality, nationality
- Cardinal and ordinal numbers
- Possessive adjectives: *my, your, etc.*
- Adjectives ending with *-ing/ -ed*
- Comparative, equality & superlative

6. Adverbs:

- Regular & irregular forms
- Manner (*quickly, carefully, etc.*)
- Frequency (*often, never, etc.*)
- Definite time (*already, just, yet, etc.*)
- Degree (*very, too*)
- Place (*here, there, etc.*)
- Sequence (*first, next, etc.*)
- Sentence adverbs: *too, either, etc.*
- Comparative & superlative forms (regular & irregular forms of: *well, badly, many, much*)

7. Prepositions:

- Location
- Time
- Instrument
- Prepositions followed: adjectives (*afraid of, interested in, ...*), verbs (*laugh at, ask for, etc.*)

8. Suggested topics: *everyday life, daily activities, leisure activities, big cities, traffic, environment, scientific achievements, etc.*

Đối với trình độ tương đương bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam

- Cách sử dụng các tính từ thông dụng để mô tả
- Trạng từ chỉ mức độ thường xuyên (always, usually, often, sometimes, seldom, rarely, never)
- Cấu trúc đơn giản, ví dụ: be going to, there is/there are, V + to V, V + Ving, I'd like...
- So sánh hơn, so sánh nhất
- Cách sử dụng How much, how many
- Danh từ số ít, số nhiều; danh từ đếm được, không đếm được.
- Câu mệnh lệnh
- Các loại động từ khiếm khuyết: can, can't, could, couldn't...
- Cách sử dụng các thì thông dụng (hiện tại, quá khứ, tiếp diễn...)
- Cách sử dụng giới từ trong tiếng Anh (giới từ về thời gian, giới từ chỉ vị trí)
- Cách sử dụng đại từ trong tiếng Anh.

• ***Diễn đạt bằng tiếng Anh***

Adjectives: common and demonstrative

Adverbs of frequency

Comparatives and superlatives

Going to

How much/how many and very common uncountable nouns

I'd like

Imperatives (+/-)

Intensifiers - very basic

Modals: can/can't/could/couldn't

Past simple of "to be"

Past Simple

Possessive adjectives

Possessives

Prepositions, common

Prepositions of place

Prepositions of time, including in/on/at

Present continuous

Present simple

Pronouns: simple, personal

Questions

There is/are

To be, including question+ negatives

Verb + V-ing: like/hate/love/enjoy//start/ begin

3. Kiến thức từ vựng:

Từ vựng về đồ vật, động vật phổ biến, các hoạt động hàng ngày, về thời tiết, thời gian rảnh rỗi, về con người, gia đình, nhà trường, ...

III. Môn Tin học:

1. Hiểu biết về CNTT cơ bản

- Hiểu thuật ngữ phần cứng máy tính. Phân biệt thiết bị trung tâm và thiết bị ngoại vi. Biết các thiết bị ngoại vi chính: Thiết bị lưu trữ, thiết bị xuất/nhập, thiết bị mạng và truyền thông. Biết các thiết bị ngoại vi được nối với thiết bị trung tâm qua các cổng.

- Biết các thành phần cơ bản của máy tính điện tử: Bộ xử lý trung tâm (CPU), bộ nhớ trong. Biết các đơn vị đo tốc độ của bộ xử lý trung tâm. Phân biệt bộ nhớ động (RAM) và bộ nhớ chỉ đọc (ROM). Biết các đơn vị đo dung lượng bộ nhớ trong như KB, MB, GB. Biết đơn vị đo tốc độ truy cập của bộ nhớ trong như Hz, MHz, GHz.

- Biết các loại phương tiện lưu trữ chính: Đĩa cứng trong, đĩa cứng ngoài, các loại đĩa quang (CD, DVD), thẻ nhớ, ổ nhớ di động. Biết các đơn vị đo dung lượng lưu trữ như bit, byte, KB, MB, GB, TB. Biết các đơn vị đo tốc độ quay của ổ cứng (rpm - rounds per minute) và đo tốc độ ghi/đọc của phương tiện lưu trữ (bps - bits per second). Biết khái niệm lưu trữ trên mạng, lưu trữ tệp tin trực tuyến.

- Biết một số thiết bị xuất thông dụng và cách nối chúng vào máy tính: Màn hình, màn hình cảm ứng, máy in, loa, tai nghe.

- Biết các cổng thông dụng: Cổng nối tiếp, cổng song song, cổng nối tiếp vạn năng (USB), cổng mạng.

- Phân biệt hai loại phần mềm chính: phần mềm hệ thống (Ví dụ: hệ điều hành) và phần mềm ứng dụng.

- Hiểu chức năng của hệ điều hành, biết tên của một số hệ điều hành thông dụng (ví dụ: Ubuntu, Linux, Windows, Mac OS).

- Biết chức năng của một số phần mềm ứng dụng thông dụng: Xử lý văn bản, bảng tính, hệ quản trị cơ sở dữ liệu, trình chiếu, thư điện tử, trình duyệt web, biên tập ảnh và một số phần mềm khác.

- Biết khái niệm phần mềm nguồn mở, phân biệt được phần mềm thương mại và phần mềm nguồn mở. Biết tên và chức năng của một số phần mềm nguồn mở thông dụng xử lý văn bản, bảng tính, trình chiếu, thư điện tử, trình duyệt web, biên tập ảnh.

- Hiểu khái niệm mạng máy tính, vai trò của các mạng máy tính. Phân biệt mạng cục bộ (LAN), mạng diện rộng (WAN), mạng Internet. Hiểu khái niệm và vai trò của máy khách/máy chủ.

- Hiểu khái niệm truyền dữ liệu trên mạng, tốc độ truyền và các số đo (ví dụ: bps, kbps, Mbps, Gbps).

- Hiểu khái niệm tải các nội dung từ mạng xuống (download) và tải các nội dung lên mạng (upload).
- Hiểu các dịch vụ Internet khác nhau dành cho người dùng: Thương mại điện tử (e-commerce), ngân hàng điện tử (e-banking), chính phủ điện tử (e-government).
- Biết khái niệm học tập trực tuyến (e-learning), hội nghị trực tuyến (teleconference), một số ưu điểm và nhược điểm của các phương thức này.
- Hiểu thuật ngữ thư điện tử (e-mail) và công dụng của nó. Biết khái niệm công thông tin điện tử, trang tin điện tử.
- Hiểu khái niệm và vai trò của tên người dùng (user name), mật khẩu (password) khi truy nhập mạng và Internet.
- Biết cách sử dụng mật khẩu tốt (không chia sẻ mật khẩu, thay đổi thường xuyên, chọn mật khẩu có độ dài thích hợp, xen lẫn giữa chữ cái và số).
- Biết khái niệm và tác dụng của tường lửa (firewall).
- Hiểu, phân biệt được các thuật ngữ phần mềm độc hại (malware) như virus, worms, trojan, spyware, adware. Biết cách thức mã độc xâm nhập, lây lan trong hệ thống máy tính.
- Hiểu các cách phòng, chống phần mềm độc hại và tầm quan trọng của việc cập nhật phần mềm an ninh mạng, phần mềm diệt virus thường xuyên.
- Phân biệt được phần mềm dùng chung (shareware), phần mềm miễn phí (freeware), phần mềm mã nguồn mở (open source software).
- Hiểu các khái niệm, thuật ngữ liên quan như dữ liệu, quản lý dữ liệu, bảo vệ dữ liệu.

- Nắm được một số Phần mềm diệt virus, phần mềm an ninh mạng.

2. Sử dụng máy tính cơ bản:

Làm việc với Hệ điều hành:

- Màn hình làm việc Biểu tượng và cửa sổ.
- Quản lý thư mục và tệp: xem thông tin, di chuyển đến nơi lưu giữ, tạo đường tắt đến nơi lưu giữ thư mục, tệp; tạo, đặt tên, đổi tên tệp và thư mục, thay đổi trạng thái và hiển thị thông tin về tệp; chọn, sao chép, di chuyển tệp và thư mục; xóa, khôi phục tệp và thư mục; tìm kiếm tệp và thư mục.
- Sử dụng máy in.

3. Xử lý văn bản cơ bản:

- Biết một số phần mềm xử lý văn bản khác nhau như LibreOffice Writer, OpenOffice Writer, Microsoft Word.
- Mở, đóng phần mềm xử lý văn bản.
- Mở văn bản có sẵn, tạo văn bản mới, lưu, xóa văn bản.
- Biên tập nội dung văn bản.
- Xử lý lỗi hiển thị tiếng Việt.
- Định dạng văn bản (text).
- Định dạng đoạn văn.
- Kiểu dáng (style).

- Bảng.
- Hình minh họa (đối tượng đồ họa).
- Hộp văn bản.
- Tham chiếu (reference).
- Hoàn tất văn bản.
- In văn bản.

4. Sử dụng bảng tính cơ bản:

- Biết một số phần mềm bảng tính khác nhau như LibreOffice Calc, OpenOffice Calc, Microsoft Excel.

- Biết các thành phần chính tạo nên bảng tính: ô (cell), dòng (row), cột (column), vùng (range), trang tính (worksheet), bảng tính (spreadsheet).

- Thao tác đối với ô (ô tính): Nhập dữ liệu vào ô; Biên tập nội dung, sắp xếp thứ tự các ô; Sao chép, di chuyển nội dung của ô.

- Thao tác trên trang tính: Dòng và cột, Trang tính, Biểu thức số học, Hàm

- Định dạng một ô, một dãy ô: Kiểu số, ngày tháng, tiền tệ; Văn bản; Căn chỉnh, tạo hiệu ứng viền.

- Biểu đồ.

- Trình bày trang tính để in ra.

5. Sử dụng trình chiếu cơ bản:

- Biết một số phần mềm trình chiếu như LibreOffice Impress, OpenOffice Impress, Microsoft Powerpoint.

- Làm việc với bài thuyết trình.

- Làm việc với trang thuyết trình.

- Xây dựng nội dung bài thuyết trình: Tạo và định dạng văn bản; Danh sách; Bảng.

- Đưa biểu đồ, sơ đồ tổ chức vào trong trang thuyết trình.

- Đưa các đối tượng đồ họa vào trong trang thuyết trình.

- Chuẩn bị, trình chiếu và in bài thuyết trình.

6. Sử dụng Internet cơ bản:

- Các khái niệm/thuật ngữ thường gặp.

- Bảo mật khi làm việc với Internet.

- Sử dụng trình duyệt web: Thao tác duyệt web cơ bản; Thiết đặt (setting); Chuyển hướng từ nguồn nội dung Internet này qua nguồn khác; Đánh dấu; Sử dụng Web.

- Biểu mẫu và sử dụng một số dịch vụ công.

- Tìm kiếm, bộ tìm kiếm (máy tìm kiếm).

- Sử dụng thư điện tử: Khái niệm và nguy cơ khi sử dụng thư điện tử; Viết và gửi thư điện tử; Nhận và trả lời thư điện tử; Quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng thư điện tử.

DANH SÁCH
THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN THAM DỰ KỲ THI TUYỂN
VIÊN CHỨC NĂM 2019 ĐỐI VỚI BỆNH VIỆN THỂ THAO VIỆT NAM,
TRUNG TÂM THÔNG TIN THỂ DỤC THỂ THAO VÀ TRUNG TÂM THỂ THAO BA ĐÌNH
(Ban hành kèm theo Công văn 1548/TCTDTT-HĐTTVC ngày 07 tháng 11 năm 2019)

STT	TT theo vị trí tuyển dụng	Họ và tên thí sinh		Ngày tháng năm sinh		Quê quán	Vị trí đăng ký tuyển dụng	Đội tượng ưu tiên	Miễn thi		Đăng ký dự thi ngoại ngữ
		Họ và đệm	Tên	Nam	Nữ				Tin học	Ngoại ngữ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I	Bệnh viện Thể thao Việt Nam										
1	1	Lưu Khánh	Ngọc		19/10/1984	Hải Phòng	CV thi đua khen thưởng, Phòng TCHC		x	x	
2	2	Hoàng Thị Nguyệt	Quế		26/09/1983	Nghệ An	CV thi đua khen thưởng, Phòng TCHC				Tiếng Anh
3	1	Lê Thúy	Phương		14/9/1983	Thanh Hóa	VTLT, Phòng TCHC				Tiếng Anh
4	1	Vũ Thị	Chính		20/8/1982	Bắc Ninh	Kế toán viên, Phòng Kế toán				Tiếng Anh
5	2	Nguyễn Trường	Giang	02/09/1993		Phú Thọ	Kế toán viên, Phòng Kế toán				Tiếng Anh
6	3	Nguyễn Quang	Huy	15/7/1995		Hà Nội	Kế toán viên, Phòng Kế toán				Tiếng Anh
7	4	Vũ Thị	Thoa		26/5/1987	Nam Định	Kế toán viên, Phòng Kế toán				Tiếng Anh
8	5	Nguyễn Thị Anh	Thu		14/6/1977	Quảng Bình	Kế toán viên, Phòng Kế toán				Tiếng Anh
9	1	Đào Thị	Chinh		27/10/1975	Hà Nội	CV tham mưu XD quy hoạch PT chuyên môn, Phòng Kế hoạch, Tổng hợp				Tiếng Anh
10	2	Nguyễn Thị Thanh	Mai		08/3/1987	Bắc Ninh	Điều dưỡng hạng IV, Phòng Điều dưỡng				Tiếng Anh
11	3	Phùng Thị	Tân		25/12/1983	Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV, Phòng Điều dưỡng				Tiếng Anh
12	4	Kiều Thị Thu	Thùy		03/02/1991	Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV, Phòng Điều dưỡng				Tiếng Anh
13	1	Hoàng Thị Xuân	Minh		15/11/1983	Thái Bình	BS Khoa chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng - nội soi			x	
14	2	Phạm Thị	Thương		21/8/1983	Hải Dương	BS Khoa chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng - nội soi				Tiếng Anh
15	1	Trần Thị Thu	Hoài		12/6/1990	Hà Tĩnh	KTV khoa Xét nghiệm huyết học, sinh hóa, vi sinh				Tiếng Anh
16	2	Phương Văn	Luận	28/02/1980		Lạng Sơn	KTV khoa Xét nghiệm huyết học, sinh hóa, vi sinh	DTTS			Tiếng Anh
17	1	Nguyễn Trọng	Đồng	18/3/1974		Phú Thọ	Dược sĩ hạng III, Khoa Dược				Tiếng Anh
18	2	Phạm Thị	Hà		04/04/1985	Hải Dương	Dược sĩ hạng III, Khoa Dược	Con thương binh			Tiếng Anh

STT	TT theo vị trí tuyển dụng	Họ và tên thí sinh		Ngày tháng năm sinh		Quê quán	Vị trí đăng ký tuyển dụng	Đổi tượng ưu tiên	Miễn thi		Đăng ký dự thi ngoại ngữ
		Họ và đệm	Tên	Nam	Nữ				Tin học	Ngoại ngữ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
19	1	Bùi Thị	Hiển		18/10/1985	Hà Nội	Dược sĩ hạng IV, khoa Dược				Tiếng Anh
20	1	Nguyễn Duy	Cương	23/6/1994		Thanh Hóa	BS Khoa Khám bệnh - HSCC				Tiếng Anh
21	2	Nguyễn Xuân	Triều	06/12/1995		Thái Bình	BS Khoa Khám bệnh - HSCC				Tiếng Anh
22	1	Nguyễn Thị	Nga		19/01/1993	Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV khoa Khám bệnh - HSCC				Tiếng Anh
23	1	Vũ Xuân	Công	10/10/1963		Thái Bình	BS khoa Nội tổng hợp				Tiếng Anh
24	2	Trần Thị	Thư		12/10/1983	Hà Nội	BS khoa Nội tổng hợp	Con thương binh			Tiếng Anh
25	3	Hoàng Đoan	Trang		29/04/1986	Nam Định	BS khoa Nội tổng hợp				Tiếng Anh
26	1	Thân Thị Lan	Anh		16/11/1996	Bắc Giang	Điều dưỡng hạng IV, Khoa Nội tổng hợp				Tiếng Anh
27	2	Đỗ Thị	Huê	03/03/1992		Nam Định	Điều dưỡng hạng IV, Khoa Nội tổng hợp				Tiếng Anh
28	1	Nguyễn Huy	Khôi	28/9/1990		Thanh Hóa	BS Khoa YHTT- VLTL-PHCN			x	
29	2	Lương Quý	Quỳnh	5/10/1986		Phú Thọ	BS Khoa YHTT- VLTL-PHCN	Con thương binh			Tiếng Anh
30	3	Trần Vũ	Thảo	13/10/1995		Hà Nội	BS Khoa YHTT- VLTL-PHCN				Tiếng Anh
31	1	Hoàng Tú	Anh		26/05/1995	Thái Nguyên	Điều dưỡng hạng IV, Khoa YHTT-PHCN-VLTL				Tiếng Anh
32	1	Nguyễn Thành	Long	29/8/1983		Hưng Yên	BS Khoa Ngoại Tổng hợp				Tiếng Anh
33	1	Nguyễn Thị	Lan		05/10/1986	Hải Dương	Điều dưỡng hạng IV, Khoa Ngoại Tổng hợp				Tiếng Anh
34	2	Lê Thị	Sen		07/05/1990	Thanh Hóa	Điều dưỡng hạng IV, Khoa Ngoại Tổng hợp				Tiếng Anh
35	1	Đỗ Văn	Chinh	12/11/1983		Thanh Hóa	BS Khoa Ngoại chấn thương, chỉnh hình và tạo hình	Con liệt sĩ			Tiếng Anh
36	2	Trần Văn	Thùy	23/03/1990		Thái Bình	BS Khoa Ngoại chấn thương, chỉnh hình và tạo hình				Tiếng Anh
37	1	Nguyễn Thị Thu	Hà		21/10/1995	Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV, Khoa Ngoại chấn thương, chỉnh hình và tạo hình				Tiếng Anh
38	2	Trần Thị Diệp	Hương		01/12/1981	Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV, Khoa Ngoại chấn thương, chỉnh hình và tạo hình				Tiếng Anh
39	3	Phan Đức	Tới	20/8/1995		Nam Định	Điều dưỡng hạng IV, Khoa Ngoại chấn thương, chỉnh hình và tạo hình				Tiếng Anh
40	1	Đỗ Thị Thùy	Trang		05/8/1989	Tuyên Quang	Bác sỹ Khoa Mắt - TMH - RHM			x	
II	Trung tâm Thông tin Thể dục thể thao										
41	1	Lê Dju	Hiển		06/02/1981	Hà Nội	Kế toán viên, Phòng HCTH	Con thương binh			Tiếng Anh
42	2	Nguyễn Hà	Thúy		02/10/1988	Hà Nội	Kế toán viên, Phòng HCTH				Tiếng Anh

STT	TT theo vị trí tuyển dụng	Họ và tên thí sinh		Ngày tháng năm sinh		Quê quán	Vị trí đăng ký tuyển dụng	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi		Đăng ký dự thi ngoại ngữ
		Họ và đệm	Tên	Nam	Nữ				Tin học	Ngoại ngữ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
43	1	Nguyễn Thị	Lưu		21/01/1981	Ninh Bình	CV triển khai các hoạt động liên doanh, liên kết về KT truyền thông TT - Phòng Cơ sở dữ liệu và dịch vụ				Tiếng Anh
44	1	Nguyễn Quý	Bàng	11/12/1983		Hà Nội	Kỹ sư CNTT - Phòng KT và Quản trị hệ thống		x		Tiếng Anh
45	2	Hoàng Mạnh	Hùng	20/01/1984		Hà Nội	Kỹ sư CNTT - Phòng KT và Quản trị hệ thống		x		Tiếng Anh
III	Trung tâm Thể thao Ba Đình										
46	1	Vương Đức	Hiếu	13/12/1988		Quảng Ninh	CV quản lý tài sản, vật tư trang thiết bị, Phòng HCTH				Tiếng Anh